

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01/HX/2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **HỘ KINH DOANH CƠ SỞ SẢN XUẤT ĐÁ SẠCH HOÀNG XÁ**

Địa chỉ: Số 66, đường Hoàng Xá Cổ Đông, thôn Hoàng Xá, xã Thạch Thất, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0374.535.626

Mã số hộ kinh doanh: 001090005599, cấp ngày 24/11/2025, nơi cấp: UBND xã Thạch Thất.

Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP số: 04/2026/ATTP-CNĐK. Ngày cấp: 07/04/2026. Nơi cấp: UBND xã Thạch Thất.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **ĐÁ SẠCH HOÀNG XÁ**

2. Thành phần: Nước máy đã qua xử lý bằng công nghệ lọc RO và làm lạnh đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2024/BYT.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất và hạn sử dụng in trên túi đựng sản phẩm. (nhãn đang ghi là 02 tháng kể từ ngày sản xuất nên xem lại thông nhất nhãn)

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Khối lượng tịnh: 3kg, 5kg, 7 kg, 10 kg và tùy theo yêu cầu của thực tế kinh doanh.

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng trong túi PE, chuyên dùng đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất).

III. Mẫu nhãn sản phẩm: Có mẫu nhãn đính kèm.



IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 10:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước đá dùng liền.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Thạch Thất, ngày 28 tháng 4 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(ký và ghi rõ họ tên)



Kiều Anh Tuấn



MẪU NHÃN SẢN PHẨM

Tên cơ sở: Hộ kinh doanh Cơ sở sản xuất đá sạch Hoàng Xá

Địa chỉ: Số 66, đường Hoàng Xá Cổ Đông, thôn Hoàng Xá, xã Thạch Thất, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ sản xuất: Số 66, đường Hoàng Xá Cổ Đông, thôn Hoàng Xá, xã Thạch Thất, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0374.535.626

ĐÁ SẠCH HOÀNG XÁ

Thành phần: Nước máy đã qua xử lý bằng công nghệ lọc RO và làm lạnh đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2024/BYT.

Hạn sử dụng: In trên bao bì.

Ngày sản xuất: In trên bao bì.

Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:

- Hướng dẫn sử dụng: Dùng trực tiếp để giải khát và bảo quản sản phẩm.
- Bảo quản: ở nhiệt độ dưới 0 độ C, để nơi thoáng mát, sạch sẽ, tránh ánh nắng trực tiếp, tránh xa các loại hóa chất độc hại.

Khối lượng tịnh: ghi trên bao bì.

NSX: in trên túi nilon.

HSD: 02 tháng kể từ ngày sản xuất (in trên bao bì).

Thạch Thất, ngày 28 tháng 4 năm 2026
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(ký và ghi rõ họ tên)

Kiều Anh Tuấn





Số: 21981/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM TEST REPORT

(Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử)

1. Tên mẫu: Đá sạch Hoàng Xá
2. Mã số mẫu: 03264730/DV.1
3. Nơi gửi mẫu: HỘ KINH DOANH CƠ SỞ SẢN XUẤT ĐÁ SẠCH HOÀNG XÁ
Địa chỉ: Số 66 Hoàng Xá, Xã Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
4. Ngày nhận mẫu: 30/03/2026
5. Số lượng mẫu: 01 mẫu
6. Thời gian kiểm nghiệm: 30/03/2026 - 06/04/2026
7. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong túi nilon, 5 kg/túi. Nhiệt độ mẫu tại thời điểm nhận: - 2 °C.
Số lượng: 1. NSX: Không có - HSD: Không có
Nhà sản xuất: HỘ KINH DOANH CƠ SỞ SẢN XUẤT ĐÁ SẠCH HOÀNG XÁ
8. Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
9. Kết quả kiểm nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý và Vi sinh vật

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả
9.1*	Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfit	TCVN 6191-2:1996	Vi khuẩn/50g	< 1
9.2*	Coliform tổng số	TCVN 6187-1:2019	Vi khuẩn/250g	< 1
9.3*	<i>E. coli</i>	TCVN 6187-1:2019	Vi khuẩn/250g	< 1
9.4*	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011	Vi khuẩn/250g	< 1
9.5*	<i>Streptococci faecal</i>	TCVN 6189-2:2009	Vi khuẩn/250g	< 1
9.6*	Hàm lượng Clo dư	NIFC.03.M.33	mg/L	KPH (LOD: 0,10)

10. Ghi chú:

10.1 (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025; (*) – Phép thử được chỉ định bởi cơ quan quản lý/Method is designated by the regulatory authority.

10.2 (-) Không áp dụng/Not applicable.

10.3 KPH - Không phát hiện/ ND - Not detected; LOD - Giới hạn phát hiện của phương pháp thử/ The detection limit of the method; LOQ - Giới hạn định lượng của phương pháp thử/ Limit of quantification of the method; eLOD₅₀ là giới hạn phát hiện LOD₅₀ ước tính với xác suất phát hiện là 50%/ estimated limit of detection at 50%.

10.4. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of National Institute for Food Control.

10.5. Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia chỉ chịu trách nhiệm về kết quả kiểm nghiệm của mẫu thử. Các thông tin về tính xác thực và độ tin cậy của mẫu do khách hàng cung cấp và chịu hoàn toàn trách nhiệm/ National Institute for Food Control is only responsible for the testing results of the sample. Sample information has been provided by the customer, who is also responsible for the authenticity and validity of the sample.

10.6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.

Hà Nội, ngày 06 tháng 04 năm 2026

KT. VIÊN TRƯỞNG
PHÓ VIÊN TRƯỞNG
PGS. TS. Trần Cao Sơn





PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị gửi mẫu: HỘ KINH DOANH CƠ SỞ SẢN XUẤT ĐÁ SẠCH HOÀNG XÁ
Địa chỉ: Số 66, đường Hoàng Xá Cổ Đông, thôn Hoàng Xá, xã Thạch Thất, TP. Hà Nội, Việt Nam
Ngày gửi mẫu: 03.02.2026
Loại mẫu: Nước sản xuất đá
Yêu cầu phân tích: 36 chỉ tiêu
Số lượng: 01 mẫu

STT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả phân tích	QCVN 01-1:2024/BYT
1	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120:2012	< 1	15
2	Mùi	-	SMEWW 2150:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
3	Độ đục	NTU	SMEWW 2130:2012	< 1,0	2,0
4	pH	-	TCVN 6492:2011	6,49	6,0 - 8,5
5	Clo tự do	mg/L	SMEWW4500 - C1 B, C, G:2023	< 0,01	0,2 - 1,0
6	Độ cứng tổng	mgCaCO ₃ /L	SMEWW 2340:2017	1,2	300
7	TDS (Tổng chất rắn hoà tan)	mg/L	Đo nhanh	14,6	1000
8	Al (Nhôm)	mg/L	US EPA METHOD 6020A:1998	0,0021	0,2
9	NH ₄ ⁺ (Amoni) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1 - 1996	< 0,010	1
10	Sb (Antimon)	mg/L	US EPA METHOD 6020A:1998	0,0005	0,02
11	As (Asen)	mg/L	US EPA METHOD 6020A:1998	< 0,0001	0,01
12	Ba (Bari)	mg/L	US EPA METHOD 6020A:1998	0,2554	1,3

Ghi chú

Tên mẫu, kí hiệu mẫu ghi theo thông tin của khách hàng;
Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu khách hàng gửi phân tích;
Lưu mẫu và giải quyết thắc mắc trong vòng 05 ngày từ khi trả kết quả.



13	B (Bo)	mg/L	US EPA METHOD 6020A:1998	0,0065	2,4
14	Cd (Cadimi)	mg/L	US EPA METHOD 6020A:1998	< 0,0001	0,003
15	Cl ⁻ (Clorua)	mg/L	TCVN 6194 - 1996	10,63	250
16	Cr (Crom)	mg/L	US EPA METHOD 6020A:1998	< 0,0001	0,05
17	Cu (Đồng)	mg/L	US EPA METHOD 6020A:1998	< 0,0001	1,0
18	CN ⁻ (Xyanua)	mg/L	SMEWW 4500 CN- A, B, C, E: 2017	< 0,001	0,05
19	F ⁻ (Flo)	mg/L	SMEWW 4500 – F, B&D: 2017	< 0,01	1,5
20	S ²⁻ (sunfua)	mg/L	SMEWW 4500 S ²⁻ D: 2012	< 0,01	0,05
21	Fe (Sắt)	mg/L	US EPA METHOD 6020A:1998	0,0025	0,3
22	Pb (Chì)	mg/L	US EPA METHOD 6020A:1998	< 0,0001	0,01
23	Mn (Mangan)	mg/L	US EPA METHOD 6020A:1998	< 0,0001	0,1
24	Hg (Thủy ngân)	mg/L	US EPA METHOD 6020A:1998	< 0,0001	0,001
25	Ni (Niken)	mg/L	US EPA METHOD 6020A:1998	0,0002	0,07
26	NO ₃ ⁻ (Nitrat) (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500 - NO ₃ ⁻ B: 2017	2,131	11
27	NO ₂ ⁻ (Nitrit) (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500 – NO ₂ ⁻ B: 2017	< 0,001	0,9
28	Se (Selen)	mg/L	ICP - MS	< 0,0001	0,04
29	Na (Natri)	mg/L	US EPA METHOD 6020A:1998	1,6552	200

Ghi chú

Tên mẫu, kí hiệu mẫu ghi theo thông tin của khách hàng;
Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu khách hàng gửi phân tích;
Lưu mẫu và giải quyết thắc mắc trong vòng 05 ngày từ khi trả kết quả.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

VIỆN HÓA HỌC

Phòng Hóa Vô Cơ – Hóa Lý, A18 Số 18, Hoàng Quốc Việt, Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam

Tel/Fax: 024.38362968

30	SO ₄ ²⁻ (Sunfat)	mg/L	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ E: 2012	3,28	250
31	Zn (Kẽm)	mg/L	US EPA METHOD 6020A:1998	< 0,0001	2,0
32	Chỉ số Pecmanganat	mg/L	TCVN 6186:1996	< 0,1	2,0
33	E. Coli	CFU/100mL	TCVN 6187- 1:2019	0	< 1
34	Coliform tổng số	CFU/100mL	TCVN 6187- 1:2019	0	< 1
35	Tụ cầu vàng	CFU/100mL	ISO 16266:2006	0	< 1
36	Pseudomonas aeruginosa	CFU/100mL	SMEWW 9213B:2017	0	< 1

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2026

Phó Trưởng phòng Hóa Vô Cơ – Hóa Lý

ThS. Tạ Thủy Nguyên

VIỆN HÓA HỌC XÁC NHẬN

ThS. Tạ Thủy Nguyên là Phó Trưởng phòng



TL. VIỆN TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG QLTH
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Vương Thị Thu Quyên

Ghi chú

Tên mẫu, kí hiệu mẫu ghi theo thông tin của khách hàng;
Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu khách hàng gửi phân tích;
Lưu mẫu và giải quyết thắc mắc trong vòng 05 ngày từ khi trả kết quả.

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ THẠCH THẮT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04 /ATTP-CNĐK

**GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

CHỦ CƠ SỞ: KIỀU TUẤN ANH

Tên cơ sở: HỘ KINH DOANH CƠ SỞ SẢN XUẤT ĐÁ SẠCH HOÀNG XÁ

Địa chỉ: Số 66, đường Hoàng Xá Cổ Đông, thôn Hoàng Xá, xã Thạch Thát, tp Hà Nội

Điện thoại: 0374.535.626

**ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM THEO QUY ĐỊNH:
SẢN XUẤT NƯỚC ĐÁ DÙNG LIỀN**

GIẤY CHỨNG NHẬN NÀY CÓ GIÁ TRỊ 03 NĂM KỂ TỪ NGÀY KÝ

Thạch Thát, ngày 07 tháng 4 năm 2026

TUQ: CHỦ TỊCH
CÔNG CHỨC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TƯ PHÁP - HỘ TỊCH

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

14 -04- 2026

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 340D Quyển số: 09 SCT/BS



Nguyễn Doãn Lũy

Nguyễn Trọng Bảo

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
HỒ CHÍ MINH

Ngày 01/01/2018

CHUNG THỰC BÀN SÀO ĐỒNG KỶ BÀN CHÍNH
Quận số 01 - SÀI GÒN



Trần Văn Hùng